

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2025/KDTM-ST

Ngày: 11-3-2025

V/v tranh chấp: “Hợp đồng tín
dụng-Hợp đồng thế chấp tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đắc Thắng

Bà Nguyễn Thị Tường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Thức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 và 11 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2024/TLST-KDTM ngày 14 tháng 11 năm 2024 về tranh chấp “*Hợp đồng tín dụng-Hợp đồng thế chấp tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2025/QĐXXST-KDTM ngày 16 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần C;

Trụ sở: số A đường T, phường C, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Trần Minh B – Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Từ Thiên T - Giám đốc chi nhánh T4.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: bà Tăng Kim N – Phó phòng KHDN (Theo Văn bản ủy quyền số 01 ngày 15/8/2023) (có mặt).

Bị đơn: Công ty TNHH -;

Trụ sở: ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo pháp luật: bà Ngô Thanh Như T1 – Giám đốc (có mặt);

Địa chỉ: số D ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

-*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Ngô Thanh Như T1, sinh năm 1985;

Địa chỉ: số D ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Thành N1, sinh năm 1975 (Đã chết năm 2023)

Địa chỉ: số D ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nguyễn Thành N1:

1. Cụ Nguyễn Quang H, sinh năm 1945;

Địa chỉ: số H đường T, phường F, thành phố M, Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1979 (có mặt);

Địa chỉ: số H T, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền số 003313 quyền số 01/2024TP/CC-SCC/HĐGD).

2. Cụ Nguyễn Thị N2, sinh năm 1949 (có mặt);

Địa chỉ: số H đường T, phường F, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà Ngô Thanh Như T1, sinh năm 1985 (có mặt);

Địa chỉ: số D ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Anh Nguyễn Tùng T2, sinh năm 2003;

Địa chỉ: I B, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: bà Phan Thị Khánh N3, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: 518/8/31 L, phường A, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: I B, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

5. Nguyễn Thiên Â, sinh năm 2008;

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Xuân T3, sinh năm 1980 (có mặt);

Địa chỉ: số F đường Đ, phường C, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15/8/2023 và tại biên bản hòa giải ngày 16/01/2025, đại diện ủy quyền của nguyên đơn- chị Tăng Kim N trình bày:

1. Quan hệ tín dụng:

V Chi nhánh T4 có ký kết, thực hiện Hợp Đồng Cho Vay Hạn Mức (Hợp đồng Cho vay) với Công ty TNHH MTV -, cụ thể như sau:

Hợp Đồng Cho Vay Hạn Mức số 220133/2022-HĐCVHM/NHCT760-CTYNAMTHAO ngày 28/07/2022 và các văn bản, sửa đổi bổ sung kèm theo hợp đồng này:

- Hạn mức vay: 7.000.000.000 đồng,

- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật.

- Thời hạn cho vay của khoản vay được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng.

- Lãi suất cho vay trong hạn: Theo phương thức thả nổi và xác định một tháng một lần vào ngày 15 dương lịch. Lãi suất được ghi trên từng giấy nhận nợ.

- Lãi suất đối với dư nợ gốc bị quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

- Chi tiết các giấy nhận nợ như sau:

+ Giấy nhận nợ ngày 15/12/2022, số tiền giải ngân: 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 9.0%/năm, lãi suất áp dụng hiện tại: 9.0%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 15DL dương lịch, gốc trả vào ngày 15/06/2023.

+ Giấy nhận nợ ngày 03/02/2023, số tiền giải ngân: 910.000.000 đồng (Bằng chữ: Chín trăm mười triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 9.0%/năm, lãi suất áp dụng hiện tại: 9.0%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 15DL dương lịch, gốc trả vào ngày 03/08/2023.

+ Giấy nhận nợ ngày 13/02/2023, số tiền giải ngân: 1.800.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ tám trăm triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 9.0%/năm, lãi suất áp dụng hiện tại là: 9.0%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 15DL dương lịch, gốc trả vào ngày 14/08/2023.

+ Giấy nhận nợ ngày 21/03/2023, số tiền giải ngân: 640.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm bốn mươi triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 9.0%/năm, lãi suất áp dụng hiện tại là: 9.0%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 15DL dương lịch, gốc trả vào ngày 21/09/2023.

+ Giấy nhận nợ ngày 12/04/2023, số tiền giải ngân: 345.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm bốn mươi lăm triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 9.0%/năm, lãi suất áp dụng hiện tại là: 9.0%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 15DL dương lịch, gốc trả vào ngày 12/10/2023.

+ Giấy nhận nợ ngày 06/02/2023, số tiền giải ngân: 1.230.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ hai trăm ba mươi triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 9.0%/năm, lãi suất áp dụng hiện tại là: 9.0%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 15DL dương lịch, gốc trả vào ngày 07/08/2023.

+ Giấy nhận nợ ngày 25/04/2023, số tiền giải ngân: 450.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm năm mươi triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 9.0%/năm, lãi suất áp dụng hiện tại là: 9.0%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 15DL dương lịch, gốc trả vào ngày 25/10/2023

+ Giấy nhận nợ ngày 05/05/2023, số tiền giải ngân: 460.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 9.0%/năm, lãi

suất áp dụng hiện tại là: 9.0%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 15DL dương lịch, gốc trả vào ngày 06/11/2023.

+ Giấy nhận nợ ngày 22/12/2022, số tiền giải ngân: 400.000.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm triệu đồng). Lãi suất thả nổi theo GNN là: 9.0%/năm, lãi suất áp dụng hiện tại là: 9.0%/năm, lãi trả hàng tháng vào ngày 15DL dương lịch, gốc trả vào ngày 22/06/2023.

2. Quan hệ bảo đảm tiền vay:

Các tài sản bảo đảm được dùng để đảm bảo cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Công ty TNHH MTV - theo các hợp đồng thế chấp (HĐTC), cụ thể:

Các tài sản thế chấp thuộc quyền sở hữu của Ông Nguyễn Thành N1 và Bà Ngô Thanh Như T1 bao gồm các tài sản như sau:

Hợp đồng thế chấp số 210153/2021/HĐBĐ/NHCT760 ký ngày 01/07/2021 và các phụ lục của hợp đồng thế chấp này kèm theo (nếu có) được ký giữa ông Nguyễn Thành N1 và bà Ngô Thanh Như T1 với V Chi nhánh T4. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 1: Đất ở tại nông thôn 40.0 m², đất trồng cây lâu năm 85,8m², tại ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 804676, số vào sổ cấp GCN CS12917 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 01/02/2019.

Tài sản 2. Đất trồng cây lâu năm 165,8 m², tại ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 804667, số vào sổ cấp GCN CS12914 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 01/02/2019.

Tài sản 3: Đất ở tại nông thôn 50.0 m², đất trồng cây lâu năm 414,6 m² tại Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 593848. số vào sổ cấp GCN CS22198 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 11/07/2019.

Tài sản 4: Đất ở tại nông thôn 50.0 m², đất trồng cây lâu năm 471,6 m² tại Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 307604, số vào sổ cấp GCN CS22267 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 04/09/2019.

Hợp đồng thế chấp số 210153-2/2021/HĐBĐ/NHCT760 ký ngày 01/07/2021 và các phụ lục của hợp đồng thế chấp này kèm theo (nếu có) được ký giữa ông Nguyễn Thành N1 và bà Ngô Thanh Như T1 với V Chi nhánh T4. Tài sản thế chấp gồm:

Tài sản 5: Xe Ô tô con FORD 05 chỗ ngồi theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031224 do Phòng C1 Công an tỉnh T cấp ngày 28/03/2020. Biển số: 63A-138.80.

Tài sản 6: Xe Tải có mui Hino theo Giấy chứng nhận đăng ký xe tải có mui số 008113 do Phòng C1 Công an tỉnh T cấp ngày 23/03/2016, biển số 63C-074.81

Tài sản 7: Xe Tải có mui KIA theo Giấy chứng nhận đăng ký xe tải có mui số 031287 do Phòng C1 Công an tỉnh T cấp ngày 01/04/2020, biển số 63C-153.15

Toàn bộ các giao dịch thế chấp trên đều có công chứng và đăng ký thế chấp đầy đủ theo đúng quy định.

3. Vi phạm nghĩa vụ:

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty TNHH MTV - đã không thực hiện trả lãi đúng quy định tại Hợp Đồng Cho Vay Hạn Mức số 220133/2022-HĐCVHM/NHCT760- CTYNAMTHAO ngày 28/07/2022, nên khoản vay của Hợp đồng Cho vay trên đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 15/06/2023.

Mặc dù V Chi nhánh T4 đã nhiều lần yêu cầu bên vay (Công ty TNHH MTV -), bên bảo đảm (Bà T1) thực thi các nghĩa vụ của mình nhưng các bên vẫn không thực hiện. Tạm tính đến hết ngày 03/08/2023, Công ty TNHH MTV - còn nợ V Chi nhánh T4 số tiền là: 6,770,883,577 đồng (Trong đó: nợ gốc 6,635,000,000 đồng, lãi trong hạn: 130,443,532 đồng, lãi phạt quá hạn: 5,440,045 đồng), cụ thể:

Hợp Đồng Cho Vay Hạn Mức số 220133/2022-HĐCVHM/NHCT760-CTYNAMTHAO ngày 28/07/2022 và các văn bản, sửa đổi bổ sung kèm theo hợp đồng:

- + Nợ gốc: 6,635,000,000 đồng;
- + Lãi trong hạn: 130,443,532 đồng;
- + Lãi phạt quá hạn: 5,440,045 đồng;

V khởi kiện Công ty TNHH MTV - với đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho thụ lý, giải quyết tuyên buộc:

1. Công ty TNHH MTV - phải thanh toán ngay cho V Chi nhánh T4 số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và các chi phí khác phát sinh (nếu có) theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 220133/2022-HĐCVHM/NHCT760- CTYNAMTHAO ngày 28/07/2022, theo đó:

- Tạm tính đến hết ngày ngày 03/08/2023, Công ty TNHH MTV - còn nợ V Chi nhánh T4 số tiền là: 6,770,883,577 đồng (Trong đó: nợ gốc 6,635,000,000 đồng, lãi trong hạn: 130,443,532 đồng, lãi phạt quá hạn: 5,440,045 đồng).

- Ngoài ra, Công ty TNHH MTV - phải trả các khoản lãi (trong hạn, quá hạn), lãi phạt và các chi phí khác (nếu có) phát sinh từ ngày 03/08/2023 cho đến khi V Chi nhánh T4 thu hồi hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng Cho vay và các văn bản sửa đổi bổ sung kèm theo (nếu có).

- Đến ngày 31/12/2024 tổng số nợ (bao gồm khoản lãi) là 8.095.106.207 đồng.

2. Buộc bên có liên quan là Ông Nguyễn Thành N1 và Bà Ngô Thanh Như T1 phải có nghĩa vụ liên đới trong việc thanh toán toàn bộ khoản nợ nêu trên của Công ty TNHH MTV -.

3. Ngay khi án có hiệu lực mà Công ty TNHH MTV N6 T1 không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, V Chi nhánh T4 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền cưỡng chế, phát mãi toàn bộ các tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

**Theo bản tự khai và các biên bản hòa giải người đại diện theo pháp luật của Nguyễn Thiên Ân – chị Nguyễn Thị Xuân T3 trình bày:*

Chị không có ý kiến gì về tài sản của Công ty - và không có yêu cầu gì.

** Ông Nguyễn Quang H và đại diện theo ủy quyền là chị Nguyễn Thị Thu H1 trình bày:*

Hiện nay Công ty TNHH MTV - còn nợ ngân hàng V1 Chi nhánh M số tiền là 6.770.883.577 đồng (Theo TB thụ lý vụ án số 23/TB-TLVA ngày 31/10/2023), đồng ý trả nợ cho Ngân hàng bằng hình thức xử lý các tài sản đảm bảo và tài sản khác của Công ty TNHH -.

** Theo bản trình bày ý kiến ngày 06/12/2023 và các biên bản hòa giải chị Ngô Thanh Như T1 trình bày:*

1. Hiện nay Công ty TNHH MTV - còn nợ của Ngân hàng V CN Mỹ Tho số tiền là: 6.770.883.577 đồng (theo Thông báo về việc thụ lý vụ án số 23/TB- TLVA ngày 31/10/2023);

- Đến ngày 31/12/2024 tổng số nợ (bao gồm khoảng lãi) là 8.095.106.207 đồng.

2. Chị đồng ý trả nợ cho Ngân hàng bằng hình thức xử lý các tài sản đảm bảo và tài sản khác của Công ty TNHH MTV -;

**Theo bản tự khai và đơn yêu cầu độc lập ngày 04/04/2024 chị Phan Thị Khánh N3 trình bày:*

Ông Nguyễn Tùng T2 là con đẻ của ông Nguyễn Thành N1 (sinh ngày 22/07/1975, Căn cước công dân số: 0310 7501 2591).

Ngày 01/6/2023, ông Nguyễn Thành N1 chết không để lại di chúc, giấy chứng tử số 53/2023 cấp ngày 07/6/2023 do UBND xã Đ, thành phố M cấp. Do vậy, ông Nguyễn Tùng T2 là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Nguyễn Thành N1. Ngoài ông T2, xác định có thêm 04 người khác cùng là người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông N1, gồm: ông Nguyễn Quang H (bố đẻ của ông N1), bà Nguyễn Thị N2 (mẹ đẻ của ông N1), bà Ngô Thanh Như T1 (vợ của ông N1), anh Nguyễn Tùng T2 (con đẻ của ông N1) và Nguyễn Thiên Ân (con đẻ của ông N1).

Ông Nguyễn Thành N1 chết để lại nhiều di sản, một phần trong số đó bao gồm: Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ 804676, số vào sổ cấp GCN CS12917 tọa lạc tại ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CQ 804667, số vào sổ cấp GCN CS12914 tọa lạc tại ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài

sản khác gắn liền với đất số CS 593848, số vào sổ cấp GCN CS22198 tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất số CS 307604, số vào sổ cấp GCN CS22267 tọa lạc tại ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Xe ô tô con FORD 05 chỗ ngồi theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031224, biển số: 63A-138.80; Xe tải có mui Hino theo giấy chứng nhận đăng ký xe tải có mui số 008113, biển số 63C-074.81; Xe tải có mui KIA theo giấy chứng nhận đăng ký xe tải có mui số 031287, biển số 63C-153.15.

Các di sản trên được ông Nguyễn Thành N1 lúc còn sống thế chấp tại Ngân hàng C - Chi nhánh T4 để đảm bảo các khoản vay của Công ty TNHH MTV -. Nay Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T4 khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH MTV - thanh toán các khoản vay bao gồm nợ gốc và tiền lãi; nếu không thanh toán được thì phát mãi các tài sản đảm bảo nêu trên. Đối với yêu cầu khởi kiện này, chị đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng quy định pháp luật.

Các di sản trên, sau khi đối trừ với phần nghĩa vụ thanh toán để đảm bảo khoản vay của Công ty TNHH MTV - tại Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T4.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử sơ thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung: Khoản vay của công ty TNHH MTV - theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 220133/2022-HĐCVHM/NHCT760- CTYNAMTHAO ngày 28/07/2022 đã quá hạn thanh toán, phía công ty N6 T1 không trả vốn, lãi theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng nên Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T4 khởi kiện yêu cầu công ty TNHH - trả vốn, lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Khi vay anh N1 và chị T1 thế chấp 07 loại tài sản để đảm bảo việc thanh toán nợ, nay công ty TNHH MTV N6 T1 không khả năng thanh toán nên ngân hàng yêu cầu được phát mãi số tài sản là có căn cứ.

Ngày 01/6/2023 anh N1 chết mà không để lại di chúc nên các quyền, nghĩa vụ về tài sản của anh N1 sẽ chuyển sang hàng thừa kế thứ nhất của anh N1 gồm cha mẹ (cụ H, cụ N2), vợ (chị T1) và các con (T2, Á) nên khi xử lý tài sản để thanh toán nợ chỉ buộc những người ngày chỉ có nghĩa vụ trong phạm vi thừa kế phần tài sản của anh N1.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1].Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền vốn, lãi theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 220133/2022-HĐCVHM/NHCT760-CTYNAMTHAO ngày 28/07/2022, tạm tính đến ngày 31/12/2024 tổng số nợ (bao gồm khoảng lãi) là 8.095.106.207 đồng, nên xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp tài sản*”, trong vụ án này Nguyễn Tùng T2, sinh năm 2003 là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông N1, tại thời điểm thụ lý đang du học tại Úc nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang theo quy định tại 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Tùng T2, chị Phan Thị Khánh N3 đã được triệu tập hợp lệ lần 2 để xét xử nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đương sự theo luật định.

[2].Về nội dung: các đương sự trong vụ án thống nhất về các khoản nợ vay, lãi, tài sản thế chấp theo hợp đồng tín dụng đã ký kết, nhưng không thỏa thuận được thời gian thanh toán, xét thấy, theo hợp đồng tín dụng mà các bên ký kết thì món vay của công ty TNHH MTV - theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 220133/2022-HĐCVHM/NHCT760-CTYNAMTHAO ngày 28/07/2022 đã quá hạn thanh toán, phía công ty N6 T1 không trả vốn, lãi theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng nên Ngân hàng TMCP C - Chi nhánh T4 khởi kiện yêu cầu công ty TNHH MTV - thanh toán vốn, lãi theo thỏa thuận là có căn, đúng pháp luật.

Về phía công ty TNHH MTV -, sau khi vay vốn, đến ngày 01/6/2023, anh Nguyễn Thành N1 chết (giấy chứng tử số 53/2023 cấp ngày 07/6/2023 do UBND xã Đ, thành phố M cấp), từ đó phía công ty TNHH MTV - vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tại phiên tòa chỉ N - đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu nếu công ty TNHH MTV N6 T1 không khả năng thanh toán khoản nợ vay thì yêu cầu được phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ, xét thấy, anh N1, chị T1 là người trực tiếp ký hợp đồng tín dụng, thế chấp tài sản để vay vốn, nay đã mất khả năng thanh toán nên ngân hàng yêu cầu được phát mãi tài sản để thu hồi nợ là chính đáng, đúng pháp luật, tuy nhiên anh N1 đã chết vào ngày 01/6/2023 mà không để lại di chúc nên các quyền, nghĩa vụ về tài sản của anh N1 sẽ chuyển sang hàng thừa kế thứ nhất của anh N1 gánh vác, cụ thể là cha mẹ (cụ H, cụ N2), vợ (chị T1) và các con (T2, Á) và những người ngày chỉ có nghĩa vụ trong phạm vi thừa kế phần tài sản của anh N1.

Trong quá trình giải quyết, phía bị đơn và những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh N1 cũng thống nhất về số vốn vay, lãi phát sinh và tài sản thế chấp nhưng không thỏa thuận được thời gian, cách thanh toán nợ, như đã phân tích trên, phần vốn vay của công ty TNHH MTV - đã quá hạn thanh toán, nay cũng không tất toán toàn bộ khoản vay, phía ngân hàng yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng đã ký kết và buộc bị đơn thanh toán vốn lãi theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng mà 02 bên ký kết là có căn cứ, cho nên cần buộc công ty TNHH MTV - và hàng thừa kế thứ nhất của anh N1 phải thanh toán vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết trong phạm vi tài sản mà anh N1 để lại đã thế chấp tại ngân hàng.

Khi vay anh Nguyễn Thành N1 và chị Ngô Thanh N4 Thảo thế chấp 07 loại tài sản để đảm bảo việc thanh toán nợ, nay công ty TNHH MTV N6 T1 không khả năng thanh toán nên ngân hàng yêu cầu được phát mãi số tài sản là có căn cứ nên được chấp nhận.

Về lãi suất: Ngoài khoản tiền nợ gốc, lãi vay trong hạn, lãi vay quá hạn, phí mà khách hàng vay phải thanh toán cho bên cho vay theo hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Theo yêu cầu của nguyên đơn tạm tính đến hết ngày 10/3/2025 tổng số nợ (bao gồm khoảng lãi) là 8.264.660.172 đồng.

[3]. Về xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ:

Để bảo đảm cho khoản vay trong Hợp đồng tín dụng và toàn bộ số tiền lãi, phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và nghĩa vụ tài chính khác, tài sản bảo đảm được ghi nhận tại Hợp đồng thế chấp số 210153/2021/HĐBĐ/NHCT760 ký ngày 01/07/2021, Hợp đồng thế chấp số 210153-1/2021/HĐBĐ/NHCT760 ký ngày 01/07/2021 và Hợp đồng thế chấp số 210153-2/2021/HĐBĐ/NHCT760 ký ngày 01/07/2021 gồm 07 loại tài sản, những tài sản này thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng của chị T1, anh N1. Tại phiên tòa nguyên đơn đưa ra thời hạn để xử lý tài sản bảo đảm khi án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không hoàn tất việc thanh toán tiền. Xét yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng quy định về quyền xử lý tài sản bảo đảm khi khách hàng không trả được nợ đến hạn; và các Điều 299, 317, 318, 319, khoản 6 Điều 320 của Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể khi án có hiệu lực pháp luật mà công ty TNHH MTV N6 T1 không trả đủ tiền gốc và lãi được xác định trên thì nguyên đơn được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Nếu tài sản bảo đảm được xử lý dư sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ thì được trả lại cho công ty TNHH MTV - cụ thể là chị T1 và hàng thừa kế thứ nhất của anh N1.

[4]. Về án phí và các khoản chi phí khác:

Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Nguyên đơn được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Ngoài ra trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã ứng tiền để chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng nên cần buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền này. Nếu chậm trả tiền thì bị đơn phải chịu lãi suất trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Ý kiến và đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 297 Luật thương mại; các Điều 117, 119, 299, 317, 318, 319, khoản 6 Điều 320, Điều 463, các khoản 1,3,5 Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Áp dụng Điều 306 luật Thương Mại; Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần C.

1.1. Buộc công ty TNHH MTV - phải trả Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền dư nợ gốc và lãi của Hợp Đồng Cho Vay Hạn Mức số 220133/2022-HĐCVHM/NHCT760- CTYNAMTHAO ngày 28/07/2022, tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11 tháng 3 năm 2025): (nợ gốc 6.635.000.000 đồng + nợ lãi trong hạn 1089.155.584 đồng + nợ lãi quá hạn 561.690.397 đồng); Tổng cộng 8.285.845.981 đồng (Tám tỷ hai trăm tám mươi lăm triệu tám trăm bốn mươi lăm nghìn chín trăm tám mươi một đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11 tháng 3 năm 2025, bên vay (Công ty TNHH MTV -) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi mà các bên thỏa thuận trong Hợp Đồng Cho Vay Hạn Mức số 220133/2022-HĐCVHM/NHCT760 - CTYNAMTHAO ngày 28/07/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Buộc công ty TNHH MTV - hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật nếu công ty TNHH MTV - chậm trả số tiền này thì phải trả lãi suất trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

1.2. Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật nếu công ty TNHH MTV N6 T1 không hoàn tất việc thanh toán tiền cho Ngân hàng thương mại cổ phần C số tiền dư nợ gốc, lãi thì Ngân hàng thương mại cổ phần C được yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm gồm: 1/ Đất ở tại nông thôn 40.0 m², đất trồng cây lâu năm 85,8m², tại ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 804676, số vào sổ cấp GCN CS12917 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 01/02/2019; 2/ Đất trồng cây lâu năm 165,8 m², tại ấp D, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ 804667, số vào sổ cấp GCN CS12914 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 01/02/2019; 3/ Đất ở tại nông thôn 50.0 m², đất trồng cây lâu năm 414,6 m² tại Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 593848. số vào sổ cấp GCN CS22198 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 11/07/2019; 4/ Đất ở tại nông thôn 50.0 m², đất trồng cây lâu năm 471,6 m² tại Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 307604, số vào sổ cấp GCN CS22267 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh T cấp ngày 04/09/2019; 5/ Xe Ô tô con FORD 05 chỗ ngồi theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 031224 do Phòng C1 Công an tỉnh T cấp ngày 28/03/2020. Biên số: 63A-138.80; 6/ Xe Tải có mui Hino theo Giấy chứng nhận đăng ký xe tải có mui số 008113 do Phòng C1 Công an tỉnh T cấp ngày 23/03/2016, biển số 63C-074.81; 7/ Xe Tải có mui KIA theo Giấy chứng nhận đăng ký xe tải có mui số 031287 do Phòng C1 Công an tỉnh T cấp ngày 01/04/2020, biển số 63C-153.15 để thu hồi nợ.

Chị Ngô Thanh Như T1, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị N2, Nguyễn Tùng T2 và Nguyễn Thiên Ân chỉ chịu trách nhiệm thanh toán khoản nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần C trong phạm vi tài sản thừa kế của anh Nguyễn Thanh N5 và công ty TNHH MTV - đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 210153/2021/HĐBĐ/NHCT760 ký ngày 01/07/2021, Hợp đồng thế chấp số 210153-1/2021/HĐBĐ/NHCT760 ký ngày 01/07/2021 và Hợp đồng thế chấp số 210153-2/2021/HĐBĐ/NHCT760 ký ngày 01/07/2021.

Nếu tài sản bảo đảm xử lý còn dư sau khi đã hoàn tất các nghĩa vụ thì được trả lại cho công ty TNHH MTV - (Chị Ngô Thanh Như T1, ông Nguyễn Quang H, bà Nguyễn Thị N2, Nguyễn Tùng T2 và Nguyễn Thiên Ân).

2. Về án phí: Công ty TNHH MTV - phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 116.285.846 đồng.

Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C 57.385.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0024517 ngày 31 tháng 10 năm 2023 của chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Thái Dũng